**Bài 48 : QUẦN THỂ NGƯỜI**

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**
* HS trình bày được 1 số đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan đến vấn đề dân số.
* Từ đó thay đổi nhận thức về dân số và phát triền xã hội 🡪 Giúp các em sau này cùng với mọi người thực hiện tốt pháp lệnh dân số.
* Tìm hiểu sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể khác, đặc trưng của quần thể người, ý nghĩa của sự tăng dân số đến sự phát triển xã hội.
1. **KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** ( viết vào vở )
2. **TÌM HIỂU SỰ KHÁC NHAU GIỮA QUẦN THỂ NGƯỜI**

 **VỚI CÁC QUẦN THỂ SINH VẬT KHÁC**

 - Quần thể người có những đặc diểm sinh học giống quần thể sinh vật khác.

 - Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác : Kinh tế, xã hội, …

 - Con người có lao động và tư duy, có khả năng điều chỉnh đặc điểm sinh thái trong quần thể.

**2. ĐẶC TRƯNG VỀ THÀNH PHẦN NHÓM TUỔI CỦA MỖI QUẦN THỂ NGƯỜI**

- Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi.

+ Nhóm tuổi trước sinh sản.

+ Nhóm tuổi lao động và sinh sản.

+ Nhóm tuổi hết lao động nặng.

**- Thành phần nhóm tuổi của từng nước được thể hiện qua tháp dân số**

+ Tháp dân số (tháp tuổi) thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước.

1. **TÌM HIỂU SỰ TĂNG TRƯỞNG DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI.**
* Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong.
* Phát triển dân số hợp lí tạo được sự hài hòa giữa kinh tế và xã hội, đảm bảo cuộc sống cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội
1. **BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1:** Quần thể người có đặc trưng nào sau đây khác so với quần thể sinh vật?

* A. Tỉ lệ giới tính
* B. Thành phần nhóm tuổi
* C. Mật độ
* D. Đặc trưng kinh tế xã hội.

**Câu 2:** Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

* A. Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hóa
* B. Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử
* C. Văn hóa, giáo dục, mật độ, sinh và tử
* D. Hôn nhân, giới tính, mật độ

**Câu 3:** Quần thể người có những nhóm tuổi nào sau đây?

* A. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
* B. Nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản
* C. Nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc
* D. Nhóm tuổi trước lao động, nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động

**Câu 4:** Tăng dân số nhanh có thể dẫn đến tình trạng nào sau đây

* A. Thiếu nơi ở, ô nhiễm môi trường, nhưng làm cho kinh tế phát triển mạnh ảnh hưởng tốt đến người lao động
* B. Lực lượng lao động tăng, làm dư thừa sức lao động dẫn đến năng suất lao động giảm
* C. Lực lượng lao động tăng, khai thác triệt để nguồn tài nguyên làm năng suất lao động cũng tăng.
* D. Thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

**Câu 5:** Tháp dân số thể hiện:

* A. Đặc trưng dân số của mỗi nước
* B. Thành phần dân số của mỗi nước
* C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước
* D. Tỉ lệ nam/nữ của mỗi nước

**Câu 6:** Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

* A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi
* B. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi
* C. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi
* D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi

**Bài 49 : QUẦN XÃ SINH VẬT**

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC:**
* Trình bày được khái niệm quần xã.
* HS chỉ ra được những dấu hiệu điển hình của quần xã cũng là để phân biệt với quần thể.
* HS nêu được mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã, tạo sự ổn định và cân bằng sinh học trong quần xã.
1. **KIẾN THỨC TRỌNG TÂM** ( viết vào vở)
	1. **THẾ NÀO LÀ MỘT QUẦN XÃ?**
* Quần xã sinh vật : là tập hợp những quần thể sinh vật khác loài cùng sống trong 1 không gian xác định, chúng có mối quan hệ gắn bó như 1 thể thống nhất nên quần xã có cấu trúc tương đối ổn định. Các sinh vật trong quần xã thích nghi với môi trường sống của chúng.
* VÍ DỤ:

- Rừng Cúc Phương.

- Ao cá tự nhiên.

 **2. NHỮNG DẤU HIỆU ĐIỂN HÌNH CỦA QUẦN XÃ SINH VẬT**

 **Nội dung bảng 49 SGK tr. 147.( các bạn đọc bảng)**

* 1. **QUAN HỆ GIỮA NGOẠI CẢNH VÀ QUẦN XÃ**

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn tới số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

 - Cân bằng sinh học là trạng thái mà số lượng cá thể mỗi quần thể trong quần xã dao động quanh vị trí cân bằng nhờ khống chế sinh học.

1. **BÀI TẬP CỦNG CỐ:**

**1. Đặc trưng nào sau đây chỉ có ở quần xã mà không có ở quần thể :**

**a.**Mật độ  **c**. Tỉ lệ đực, cái **e.** Độ đa dạng

**b**. Tỉ lệ tử vong  **d**. Tỉ lệ nhóm tuổi.

**2. Vai trò của khống chế sinh học trong sự tồn tại của quần xã là :**

**a.** Điều hòa mật độ ở các quần thể.

**b.** Làm giảm số lượng cá thể trong quần xã.

**c.** Đảm bảo sự cân bằng trong quần xã.

**d**. Chỉ a và b.

**e**. Chỉ c và e.